

**BÁO CÁO**

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán  
Ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2022**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 cho các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 88/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

Thực hiện Công văn số 1047 b/UBND-TH ngày 03/7/2017 của UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về việc ủy quyền công khai tài chính;

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2022, phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 9 tháng đầu năm 2022:

Tổng thu ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2022: 619,141 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 111,66% (619,141 triệu đồng/554.506 triệu đồng).

Tổng thu ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm trên địa bàn năm 2022 là: 306,493 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 90,60% (306,493 triệu đồng/338.300 triệu đồng).

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2022:  
Chi cân đối ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2022 : 483,467 triệu đồng, đạt 81,83% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (483,467 triệu đồng/590.835 triệu đồng), trong đó chi đầu tư thực hiện 47,363 triệu đồng, đạt 86,11% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (47,363 triệu đồng/55.000 triệu đồng), chi thường xuyên thực hiện 435,151 triệu đồng, đạt 83,24% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (435,151 triệu đồng/522.775 triệu đồng).

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách tỉnh bổ sung cho NS thành phố là: 952 triệu đồng.

(Chi tiết theo các biểu mẫu số 93, 94, 95/CK-NSNN đính kèm).

**Nơi nhận :**

- UBND TP (b/c);
- Sở Tài chính NT;
- TT. Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- Đăng trên cổng thông tin điện tử TP
- Lưu: TCKH

**TRƯỞNG PHÒNG**  
  
**Vũ Thị Minh Ánh**



CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý III năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>338.300</b>	<b>306.523</b>	<b>90,61%</b>	<b>167,46%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>338.300</b>	<b>306.493</b>	<b>90,60%</b>	167,46%
1	Thu nội địa	338.300	306.493	90,60%	167,46%
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu các khoản huy động đóng góp</b>		<b>30</b>		<b>171,84%</b>
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>554.506</b>	<b>619.141</b>	<b>111,66%</b>	<b>108,08%</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách Thành phố hưởng theo phân cấp</b>	<b>223.671</b>	<b>306.523</b>	<b>137,04%</b>	<b>167,46%</b>
1	Các khoản thu ngân sách Thành phố hưởng 100%	223.671	306.523	137,04%	167,46%
2	Các khoản thu phân chia ngân sách thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)				
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh</b>	<b>330.835</b>	<b>248.362</b>	<b>75,07%</b>	<b>91,28%</b>
1	Bổ sung cân đối	329.883	247.410	75,00%	135,12%
2	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				
3	Bổ sung có mục tiêu	952	952	100,00%	1,07%
<b>III</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		64.256		54,59%
<b>V</b>	<b>Thu quản lý qua ngân sách</b>				
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>590.835</b>	<b>483.467</b>	<b>81,83%</b>	85,62%
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	55.000	47.363	86,11%	46,12%
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	522.775	435.151	83,24%	104,42%
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	12.108			
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại qua ngân sách</b>				
<b>V</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	952	952	100,00%	2,10%





ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ III NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>338.300</b>	<b>306.523</b>	<b>91%</b>	<b>167%</b>
I	<b>Thu nội địa</b>	<b>338.300</b>	<b>306.493</b>	<b>91%</b>	<b>167%</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	7.000	1.300	19%	110%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	80.000	73.396	92%	118%
4	Thuế thu nhập cá nhân	23.400	43.848	187%	240%
5	Thuế bảo vệ môi trường		0		
6	Lệ phí trước bạ	57.000	62.129	109%	143%
7	Thu phí, lệ phí	10.000	6.765	68%	116%
8	Các khoản thu về nhà, đất	143.600	111.196	77%	252%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.200	4.116	129%	258%
-	Thu tiền sử dụng đất	122.000	64.291	53%	202%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	18.400	42.789	233%	401%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	14.800	7.746	52%	122%
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản				
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác (Các khoản thu tại xã)	2.500	113	5%	8%
II	Thu viện trợ				
III	Các khoản huy động, đóng góp		30		172%
B	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>554.506</b>	<b>312.618</b>	<b>56%</b>	<b>55%</b>
1	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua				
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh	330.835	248.362	75%	91%
	Thu bổ sung cân đối	329.883	247.410	75%	135%
	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				
	Thu bổ sung có mục tiêu	952	952	100%	1%
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
4	Thu chuyển nguồn		64.256		55%
5	hưởng 100%	223.671	306.523	137%	167%





**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2022**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý III	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>590.835</b>	<b>483.467</b>	<b>82%</b>	<b>86%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>589.883</b>	<b>482.515</b>	<b>82%</b>	<b>93%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>55.000</b>	<b>47.363</b>	<b>86%</b>	<b>46%</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	55.000	47.363		46%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>522.775</b>	<b>435.151</b>	<b>83%</b>	
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	261.173	180.238	69%	102%
2	Chi an ninh quốc phòng	15.407	14.601	95%	125%
3	Chi y tế, dân số và gia đình		4.463		155%
4	Chi văn hoá thông tin, thể dục thể thao và truyền thanh	4.416	3.615	82%	124%
5	Chi bảo vệ môi trường	56.000	49.190	88%	119%
6	Chi hoạt động kinh tế	51.340	46.796	91%	87%
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	80.581	60.555	75%	92%
8	Chi khác ngân sách	2.292	1.359	59%	80%
9	Chi bảo đảm xã hội	51.566	74.335	144%	123%
10	Giữ nguồn 10% tiết kiệm và nguồn cải cách tiền lương				
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>12.108</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>952</b>	<b>952</b>	<b>100%</b>	<b>2%</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	952	952	100%	2%
<b>C</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách</b>				
<b>D</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>				

